

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CHÂU THÀNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: **21/2020/HNGĐ – ST**

Ngày: 19/8/2020

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Kim Sa Pha**

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông **Lâm Ngọc Hà**

- Ông **Nguyễn Văn Ngư**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Cẩm Vân** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà **Huỳnh Mộng Kiều** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 98/2020/TLST – HNGĐ ngày 22/4/2020; Về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2020/QĐST – HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2020/QĐST – HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1994. Địa chỉ: ấp A, thị trấn C, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tấn S, sinh năm 1994. Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 02 năm 2020, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:*

Chị H với anh Nguyễn Tấn S cưới nhau năm 2017, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08/2018 ngày 02/01/2018. Sau khi cưới, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian, nhưng đến giữa năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do tính tình hai vợ chồng thay đổi, không có tiếng nói chung, không còn quan tâm lẫn

nhau nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở và ly thân với anh S cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị H với anh S không còn liên lạc, không hòa giải để hàn gắn lại tình cảm, hiện nay mỗi người đã có cuộc sống riêng, không còn tình cảm với nhau nên không thể quay lại để sống chung với nhau. Nay chị Nguyễn Thị Thanh H yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Tấn S theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Chị với anh S có 06 chỉ vàng 24K được cho trong ngày cưới (hiện chị đang giữ 02 chỉ, 04 chỉ giao cho mẹ chồng giữ), nên yêu cầu chia đôi số vàng này. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án các đương sự tự thỏa thuận xong về tài sản chung, nguyên đơn chị H rút yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Tấn S được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không có ý kiến trả lời cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H và cũng như vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra, giao nộp, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm.

** Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, còn bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H đối với anh S, cho chị H được ly hôn với anh S theo quy định của pháp luật, còn con chung không có, không đặt ra xem xét. Về tài sản chung các đương sự tự thỏa thuận, nguyên đơn rút yêu cầu chia tài sản chung, nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn, nợ chung không có, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Tấn S. Xét thấy, anh Nguyễn Tấn S đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b

khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh S theo quy định.

[1.2] Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án xác định bà Nguyễn Thị Tuyết N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo đơn khởi kiện của nguyên đơn do chị H cho rằng bà N quản lý số tài sản chung (vàng cưới) của chị H và anh S. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, hòa giải thì giữa chị H và bà N đã tự thỏa thuận về phân tài sản chung, chị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết phân chia tài sản chung khi ly hôn giữa chị H và anh S, nên Hội đồng xét xử xác định lại bà Nguyễn Thị Tuyết N không còn tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị Thanh H với anh Nguyễn Tấn S cưới nhau năm 2017, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn Châu Thành, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08/2018 ngày 02/01/2018. Sau khi cưới, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian, đến giữa năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nên chị H bỏ về nhà cha mẹ ruột ở và ly thân với anh S cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị H với anh S không còn liên lạc, không hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, chị H cho rằng giữa chị với anh S không thể quay lại để tiếp tục chung sống với nhau nên chị H đã nộp đơn xin ly hôn. Từ đó các bên phát sinh tranh chấp.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H với anh Nguyễn Tấn S cưới nhau năm 2017, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn Châu Thành, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08/2018 ngày 02/01/2018 nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh S là hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ khi có phát sinh tranh chấp. Xét thấy, đến thời điểm hiện nay mâu thuẫn hôn nhân giữa chị H với anh S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, giữa chị H với anh S đã ly thân hơn một năm, trong thời gian sống ly thân không hàn gắn lại được tình cảm vợ chồng. Theo chị H trình bày, trong thời gian sống ly thân chị và anh S không còn liên lạc, không còn quan tâm đến nhau do hai bên không còn tình cảm với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để tạo điều kiện cho các đương sự hàn gắn lại tình cảm vợ chồng với nhau nhưng không tiến hành hòa giải được do bị đơn anh S đều vắng mặt. Tại phiên tòa, chị H cương quyết xin ly hôn, chị H cho rằng hiện nay chị với anh S không còn tình cảm với nhau, mỗi người đã có cuộc sống riêng, không thể hàn gắn lại tình cảm để tiếp tục chung sống với nhau, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh S.

[4] Về con chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận xong, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, việc tự thỏa thuận phân chia tài sản chung giữa các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này và đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định là 300.000 đồng.

[7] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về thủ tục tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 244; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với anh Nguyễn Tấn S.

2/ Về con chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung (chia đôi 06 chỉ vàng 24K) của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H.

Do các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 800.000 đồng theo biên lai thu số 0001385 ngày 21/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, còn lại số tiền 500.000 đồng chị H được hoàn trả lại.

6/ Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn anh Nguyễn Tấn S vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

7/ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều

9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND Thị trấn Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha